TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019.
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**
- Các Hội thẩm nhân dân :
1. Bà **Nguyễn Thị Ly**
2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 67/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 472/2019/QĐST -DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp l, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L là luật sư Lê Thị C, sinh năm 1962; văn phòng luật sư Huỳnh Hồng D, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978; bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1978; cùng ngụ địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thu nợ T1.

Địa chỉ: Số 18/19, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Mai Xuân T2, chức vụ: Giám đốc; làm đại diện theo pháp luật (có văn bản xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Do chổ quen biết với ông T, bà N bà có cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Thanh N vay tiền hai lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/5/2017 vay số tiền 1.579.000.000 đồng, mục đích vay mua thức ăn cho cá, đáo hạn ngân hàng, mua nhà tại Long Xuyên, có làm biên nhận nợ ông T và bà N ký tên, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, ông T và bà N không có đóng lãi, bà là người trực tiếp giao tiền cho bà N và ông T.

Lần 2: Ngày 12/9/2017 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay mua thức ăn cho cá, đáo hạn ngân hàng, mua nhà tại T phố Long Xuyên, có làm biên nhận nợ do ông T và bà N ký tên, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông T, bà N không đóng lãi, bà là người giao tiền cho bà N và ông T.

Vì thời gian vay đã lâu nhưng ông T, bà N không trả, bà có nhắc nhở nhiều lần. Sau đó bà có thuê công ty thu hồi nợ T1 để thu hồi nợ của bà N, ông T cho bà. Đến ngày 05/12/2018, giữa công ty thu hồi nợ T1 với ông T và bà N lập tờ cam kết, ông T, bà N thừa nhận có nợ 2.079.000.000 đồng của bà L. Việc lập tờ cam kết này không có mặt của bà, tờ cam kết này do ông Toản (Giám đốc công ty) gửi lại cho bà. Có thỏa thuận dự kiến đến ngày 15/01/2019 thì sẽ trả bằng 50% số tiền cho bà.

Đến hạn, ông T và bà N không trả lãi, và có trả vốn. Ngày 25/4/2019, ông T và bà N có gửi trả số tiền 500.000.000 đồng; ngày 29/6/2019, ông T và bà N có gửi trả số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng. Số tiền này ông T và bà N gửi cho công ty Thuận An trả cho bà do bà thuê dịch vụ thu nợ và có làm hợp đồng giữa hai bên.

Nay bà rút lại yêu cầu trả số tiền 700.000.000 đồng do Công ty thu nợ T1 nhận từ ông T và bà N theo hợp đồng ủy quyền thu nợ giữa bà ký với công ty ngày 21/9/2018. Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 2.079.000.000 đồng từ ngày 12/9/2017 đến ngày 25/4/2019; yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.579.000.000 đồng từ ngày 12/9/2017 đến ngày 26/9/2019; Bà chỉ yêu cầu trả số tiền 1.379.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 29/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L là luật sư Lê Thị C gửi văn bản trình bày ý kiến:

Bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N liên đới trả cho bà số tiền 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/5/2017 vay số tiền 1.579.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Mục đích vay mua bán thức ăn cho cá, mua nhà ở L. Vợ chồng ông T và bà N có làm biên nhận nợ, không thỏa thuận thời gian trả, ông T và bà N không có đóng lãi, bà là người trực tiếp giao tiền cho bà N và ông T (có làm biên nhận nợ).

Lần 2: Ngày 12/9/2017 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay mua đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng (có làm biên nhận nợ).

Cả 02 lần vay số tiền 2.079.000.000 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi chín triệu đồng) bà L là người trực tiếp giao tiền cho bà N và ông T. Bà N và ông T không trả lãi, bà L có nhắc nhở nhưng vợ chồng vẫn không trả vốn và lãi cho bà L nên ngày 05.12.2018 bà L có ủy quyền cho Công ty thu hồi nợ T1 đòi nợ (hợp đồng ủy quyền thu nợ ngày 21/9/2018). Vợ chồng T và bà N có làm cam kết với Công ty thu hồi nợ T1 hứa bán cá sẽ trả 50% số nợ.

Ngày 25/4/2019 ông T và bà N có trả cho bà 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Ngày 29/6/2019 ông T và bà N có trả cho bà 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tổng cộng 02 lần là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Như vậy ông T, bà N còn nợ bà L 1.379.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Bà Lê Thị Mỹ L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Thanh N liên đới trả cho bà số tiền 1.379.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 2.079.000.000 đồng từ ngày 12/9/2019 đến ngày 25/4/2019 (từ ngày vay đến ngày ông T và bà N trả 500.000.000 đồng).

Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 1.579.000.000 đồng từ ngày 12/9/2019 đến ngày 26/9/2019 (từ ngày trả 500.000.000 đồng đến ngày trả 200.000.000 đồng).

Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 1.379.000.000 đồng từ ngày 12/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nhận thấy giữa bà L và vợ chồng ông T và bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận với nhau. Hai bên có làm biên nhận nợ. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp pháp luật. Cụ thể. Yêu cầu khởi kiện ban đầu là 2.079.000.000 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi chín triệu đồng) do bà Lê Thị Mỹ L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) đối với yêu cầu của bà L.

Do ông T là vợ chồng, cùng xác lập hợp đồng vay nợ nên căn cứ vào điều 27, 37 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX. Buộc vợ chồng ông T và

bà N liên đới chịu trách nhiệm trả số nợ 1.379.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Về yêu cầu tính lãi theo quy định của bà L.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi theo từng thời điểm như bà L trình bày là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Trên đây là ý nội dung ý kiến trình bày quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lê Thị Mỹ L tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19.11.2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thu nợ T1 có gửi tường trình : Trước đây Công Ty THHH dịch vụ thu nợ T1 được bà L ủy quyền thu hồi nợ và đã được Công Ty thu của bà N, ông T các lần như sau:

Từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019 ông T, bà N có trả cho bà L T 02 lần:

+ Ngày 24/4/2019 trả 500.000.000 đồng

+ Ngày 28/6/2019 trả 200.000.000 đồng. Sau đó Công Ty hoàn trả đủ cho bà L số tiền 700.000.000 đồng và bà L có nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng

- Ngày 29/6/2019 đến ngày bà L yêu cầu thanh lý hợp đồng thì Công Ty không thu bất cứ khoản tiền nào của bà N, ông T. Sau khi thanh lý hợp đồng thì Công ty không còn bất cứ quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì đến việc thu hồi nợ giữa Công Ty với vợ chồng ông T, bà N. Đối với trong vụ án này thì Công Ty là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công Ty không có yêu cầu gì cả, xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Các ngày 12/5/2017 và 12/9/2017, bà Lê Thị Mỹ L có cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Thanh N vay tổng cộng là 2.079.000.000 đồng, mục đích để mua thức ăn cho cá, mua nền nhà ở L và đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 25/4/2019 và 29/6/2019, ông T, bà N trả tổng cộng 700.000.000 đồng qua Công ty T1 do bà L có thuê dịch vụ thu nợ. Nay, bà L yêu cầu ông T, bà N có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 1.379.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 2.079.000.000 đồng từ 12.9.2017 đến 25/4/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.579.000.000 đồng từ 12/9/2017 đến 26/9/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.379.000.000 đồng từ 29/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 700.000.000 đồng.

Về phía ông ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N đã được tòa án triệu tập hợp L nhưng vắng mặt và không có ý kiến. Riêng, Công ty T1 có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà L và ông T, bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng này là hợp pháp. Do ông T, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà L khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả số tiền vay 1.379.000.000 là có căn cứ.

Về lãi suất, bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 2.079.000.000 đồng từ 12.9.2017 đến 25/4/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.579.000.000 đồng từ 12/9/2017 đến 26/9/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.379.000.000 đồng từ 29/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy, các biên nhận nợ ngày 12/5/2017, 12/9/2017 không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nên căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày khởi kiện là 24/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền vay 1.379.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 24/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp L ông Nguyễn Ngọc T bà Võ Thị Thanh N, Công Ty TNHH dịch vụ thu hồi nợ đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng các ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc T bà Võ Thị Thanh N có nơi cư trú ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc T bà Võ Thị Thanh N, Công Ty TNHH dịch vụ thu hồi nợ T1 được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa

nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N và Công Ty TNHH dịch vụ thu hồi nợ T1.

[2] Qua lời trình bày của bà L, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xác định giữa bà L với ông T, bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản cụ thể 02 lần vay: Lần 01 vào ngày 12/5/2017 vay số tiền 1.579.000.000 đồng. Lần 2 vào ngày 12/9/2017 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay mua thức ăn cho cá, đáo hạn ngân hàng, mua nhà tại T phố Long Xuyên, tất cả các lần vay điều có làm biên nhận nợ ông T và bà N ký tên, nhưng không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông T và bà N không có đóng lãi, bà là người trực tiếp giao tiền cho bà N và ông T. Trong thời gian ông T, bà N không trả bà có hợp đồng Công ty TNHH dịch vụ thu hồi nợ T1 để thu hồi số nợ của bà N, ông T, sau đó Công ty có thu hồi cho bà được số tiền 700.000.000 đồng. Nay bà rút lại số tiền này, bà chỉ yêu cầu số tiền 1.379.000.000 đồng. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà L có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T, bà N vắng mặt và cũng không gởi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, bà L xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ ngày 12/9/2017, ngày 12/5/2017 giữa bà L với ông T, bà N và có chữ ký.

Xét thấy, giữa ông T, bà N là vợ chồng nên bà L yêu cầu ông T, bà N có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 1.379.000.000 cho bà L là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông T, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay 1.379.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 29/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà L cũng đồng ý tính lãi suất trên số tiền 1.379.000.000 đồng tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.079.000.000 đồng từ 12.9.2017 đến 25/4/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.579.000.000 đồng từ 12/9/2017 đến 26/9/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.379.000.000 đồng từ 29/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm đây là sự tự nguyện của bà L. Hội đồng xét nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

Số tiền được tính như sau: Số tiền vốn 1.379.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 26 ngày = 114.534.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án; ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền vốn vay 1.379.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng) và tiền lãi 114.534.000 (một trăm mười bốn triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn). Tổng cộng vốn và lãi là 1.493.534.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn)

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Lê Thị Mỹ L đối với số tiền 2.079.000.000 đồng từ 12.9.2017 đến 25/4/2019, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.579.000.000 đồng từ 12/9/2017 đến 26/9/2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị Thanh N phải chịu 56.806.000 (năm mươi sáu triệu tám trăm lẽ sáu ngàn).

- Bà Lê Thị Mỹ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 36.790.000 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm chín chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012525 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.